CỤC HẬU CẦN QUÂN KHU 9
BỆNH VIỆN QUÂN Y 121

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC MỜI THẦU
GÓI THẦU THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CỔ TRUYỀN

STT	Mã SP	Thành phần thuốc	Đường dùng/dạng bào chế	Đơn vị	Giá KH (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền
1	G3N 2001	Thanh cao, Kim ngân hoa, Địa liền, Tía tô, Kinh giới, Thích gia đằng, Bạc hà	Uống/Viên	viên	1.100	6.000	6.600.000
2	G3N 2002	Actisô	Uống/Viên	viên	810	20.000	16.200.000
3	G3N 2003	Actisô	Uống/gói	gói	2.800	3.000	8.400.000
4	G3N 2004	Actiso,Rau đắng đất, Bìm bìm biếc	Uống/Viên	viên	525	20.000	10.500.000
5	G3N 2005	Diệp hạ châu	Uống/Viên nang	viên	360	30.000	10.800.000
6	G3N 2006	Diệp hạ châu	Uống/Bột/cô´m/hạt pha uống	gói	5.785	3.000	17.355.000
7	G3N 2007	Diệp hạ châu, Nhân trần, Cỏ nhọ nồi	Uống/Viên	viên	882	90.000	79.380.000
8	G3N 2008	Diệp hạ châu, Xuyên tâm liên, Bồ công anh, Cỏ mực.	Uống/Viên nang	viên	1.950	15.000	29.250.000
9	G3N 2009	Kim tiền thảo	Uống/Viên	viên	390	60.000	23.400.000
10	G3N 2010	Kim tiền thảo, Râu mèo	Uống/Viên nang	viên	1.490	60.000	89.400.000
11	G3N 2011	Kim tiền thảo, Râu mèo	Uống/Viên	viên	735	52.000	38.220.000
12	G3N 2012	Nhân trần, Trạch tả, Đại hoàng, Sinh địa, Đương qui, Mạch môn, Long đởm, Chi tử, Hoàng cầm, Cam thảo, Mộc thông	Uống/Viên	viên	2.780	4.000	11.120.000
13	G3N 2013	Pygeum africanum	Uống/Viên nang	viên	17.800	2.000	35.600.000
14	G3N 2014	Kim tiền thảo, Râu mèo,Chuối hột	Uống/viên	viên	4.000	2.000	8.000.000
15	G3N 2015	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Tần giao, Bạch thược, Ngưu tất , Sinh địa, Cam thảo, Đỗ trọng , Tế tân, Quế nhục, Nhân sâm, Đương quy, Xuyên khung	Uống/viên	viên	830	20.000	16.600.000

STT	Mã SP	Thành phần thuốc	Đường dùng/dạng bào chế	Đơn vị	Giá KH (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền
16	G3N 2016	Độc hoạt, Quế chi, Phòng phong, Đương quy, Tế tân, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh, Cam thảo, Đảng sâm	Uống/Gói	gói	4.000	2.000	8.000.000
17	G3N 2017	Độc hoạt, Quế chi, Phòng phong, Đương quy, Tế tân, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa, Đỗ trọng, Ngưu tất,Bạch linh, Cam thảo, Đảng sâm	Uống/viên	viên	2.050	10.000	20.500.000
18	G3N 2018	Độc hoạt,Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Sinh địa, Đỗ trọng, Ngưu tất,Bạch linh, Cam thảo, Đảng sâm	Uống/viên	viên	3.200	6.000	19.200.000
19	G3N 2019	Độc hoạt,Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân, Xuyên khung, Tần giao, Bạch thược, Tang ký sinh, Địa hoàng, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh, Cam thảo,Nhân sâm	Uống/Viên nang	viên	2.000	10.000	20.000.000
20	G3N 2020	Hy thiêm, Thiên niên kiện	Uống/Viên	viên	2.500	10.000	25.000.000
21	G3N 2021	Hy thiêm, Thục địa, Tang ký sinh, Khương hoạt, Phòng phong, Đương quy, Đỗ trọng, Thiên niên kiện	Uống/Gói	Gói	4.000	70.000	280.000.000
22	G3N 2022	Mã tiền, Ma hoàng, Tầm vôi, Nhũ hương, Một dược, Ngưu tất, Cam thảo, Thương truật	Uống/Viên nang	viên	1.050	200.000	210.000.000
23	G3N 2023	Chè dây	Uống/Viên	viên	800	10.000	8.000.000
24	G3N 2024	Lá khôi, Dạ cẩm, Cỏ hàn the, Khổ sâm, Ô tặc cốt	Uống/Viên	viên	1.750	10.000	17.500.000
25	G3N 2025	Nghệ vàng	Uống/Bột/cô´m/hạt pha uống	gói	2.600	20.000	52.000.000
26	G3N 2026	Nhân sâm, Hoàng kỳ, Đương quy, Bạch truật, Thăng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, Hòe hoa, Cỏ nhọ nồi, Kim ngân hoa, Đào nhân	Uống/Viên nang	viên	8.450	2.000	16.900.000
27	G3N 2027	Cao khô Trinh nữ hoàng cung	Uống/Viên nang	viên	4.900	6.000	29.400.000
28	G3N 2028	Trinh nữ hoàng cung, Tri mẫu, Hoàng bá, Ích mẫu, Đào nhân, Trạch tả, Xích thược, Nhục quế	Uống/Viên	viên	3.450	3.000	10.350.000
29	G3N 2029	Cao đặc Vàng đắng, Cao Mật heo	Uống/Viên	viên	1.960	10.000	19.600.000

STT	Mã SP	Thành phần thuốc	Đường dùng/dạng bào chế	Đơn vị	Giá KH (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền
30	G3N 2030	Bột vỏ mù u, Bột mai mực, Bột nghệ	Uống/Viên	viên nang	1.780	10.000	17.800.000
31	G3N 2031	Bột vỏ mù u, Bột mai mực, Bột nghệ	Uống/Viên	viên nén	1.680	20.000	33.600.000
32	G3N 2032	Bạch truật, Cam thảo, Mạch nha, Đảng sâm, Đỗ trọng, Đương quy, Phục linh, Sa nhân, Hoài sơn, Táo nhân, Liên nhục, Bạch thược, Trần bì, Viễn chí, Ý dĩ, Bạch tật lê	Uống/Gói	Gói	4.000	50.000	200.000.000
33	G3N 2033	Đinh lăng, Bạch quả	Uống/Bột/cốm/hạt pha uống	gói	3.500	5.000	17.500.000
34	G3N 2034	Đinh lăng, Bạch quả	Uống/Viên nang	viên	580	60.000	34.800.000
35	G3N 2035	Đinh lăng, Bạch quả	Uống/Viên	viên	800	10.000	8.000.000
36	G3N 2036	Đương quy, Bạch quả	Uống/Viên nang	viên	1.430	10.000	14.300.000
37	G3N 2037	Lá sen,Vông nem, Lạc tiên, Tâm sen, Bình vôi	Uống/Viên nang	viên	1.340	20.000	26.800.000
38	G3N 2038	Thỏ ty tử, Hà thủ ô, Dây đau xương, cốt toái bổ, Đỗ trọng, Cúc bất tử, Nấm sò khô	Uống/Viên	viên	2.500	50.000	125.000.000
39	G3N 2039	Đương quy, Bạch truật,Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh, Xuyên khung, Bạch thược	Uống/Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	6.310	6.000	37.860.000
40	G3N 2040	Đương quy, Bạch truật,Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ,Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược	Uống/Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	8.450	3.000	25.350.000
41	G3N 2041	Thục địa, Hoài sơn,Mẫu đơn bì, Trạch tả,Phục linh, Sơn thù,Phụ tử chế,Quế nhục	Uống/Viên	viên	800	30.000	24.000.000
42	G3N 2042	Đương quy, Xuyên khung, Thục địa, Bạch thược,Đảng sâm, Bạch linh, Bạch truật, Cam thảo	Uống/Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	gói	7.000	3.000	21.000.000
43	G3N 2043	Thục địa, Đương quy, Bạch thược, Xuyên khung, Ích mẫu, Ngải cứu, Hương phụ	Uống/Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	gói	7.500	5.000	37.500.000
44	G3N 2044	Liên kiều, Kim ngân hoa, Hoàng cầm, Menthol, Eucalyptol, Camphor	Xịt mũi/Thuốc xịt mũi	Chai 20ml	40.000	100	4.000.000

STT	Mã SP	Thành phần thuốc	Đường dùng/dạng bào chế	Đơn vị	Giá KH (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền
45	G3N 2045	Tân di, Cảo bản, Bạch chỉ, Phòng phong, Tế tân, Xuyên khung, Thăng ma, Cam thảo	Uống/Viên nang	viên	1.880	10.000	18.800.000
46	G3N 2046	Thục địa, Hoài sơn, Đan bì,Phục linh, Trạch tả, Sơn thù, Câu kỷ tử, Cúc hoa.	Uống/Viên	viên	2.000	8.000	16.000.000
47	G3N 2047	Mã tiền, Huyết giác, Ô đầu, Đại hồi, Long não, Một dược, Địa liền, Nhũ hương, Đinh hương, Quế, Gừng, Methyl salicylat, Gelatin, Ethanol.	Dùng ngoài/Thuốc dùng ngoài	Chai 100ml	25.000	1.200	30.000.000
48	G3N 2048	Nọc rắn hổ mang; Methylsalicylat;Tinh dầu bạc hà	Dùng ngoài/Thuốc dùng ngoài	Tuýp	25.000	6.000	150.000.000